

Bản án số: 18/2021/HS-PT

Ngày 10 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 153/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo: **Phạm Công C** và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Công C, sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Đinh Thị Bạch T và 04 con; nhân thân: Bản án số: 22/2010/HS-ST ngày 17-9-2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; Bản án số: 59/2012/HS-ST ngày 25-10-2012 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt tại Bản án số: 22/2010/HS-ST ngày 17-9-2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 06 tháng tù; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 10-9-2020, tại ngoại - Có mặt.

2. Hồ Sỹ L, sinh năm 1989 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hồ Sỹ T và bà Lê Thị S; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số: 01/2019/HS-ST ngày 04-

01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 25.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” (chưa được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 - Có mặt.

3. Lê Văn H, sinh năm 1971 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn W xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Đắc Đ và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 16-9-2020, tại ngoại - Có mặt.

4. Hoàng Minh Tr (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1987 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn W, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Hoàng Công T và bà Lưu Thị Hồng N; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T (đã ly hôn); nhân thân: Bản án số: 07/2016/HS-ST ngày 09-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 20.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”; tại ngoại - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Phạm Mai Tử A, sinh năm 1985 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn W, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Văn H và bà Mai Thị H; có vợ là Trịnh Kim N (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số: 104/2016/HS-PT ngày 27-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Hủy hoại tài sản*”; Bản án hình sự phúc thẩm số: 05/2018/HS-PT ngày 18-01-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”, tổng hợp hình phạt tại Bản án số: 104/2016/HS-PT ngày 27-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 03 tháng tù (chưa được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 26-02-2021, tại ngoại - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Trần Đình D, sinh năm 1978 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn E, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C và bà Phan Thị M; có vợ là Trần Thị L và 03 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-01-2020 - Có mặt.

7. Hà Đình T (tên gọi khác: **T N**), sinh năm 1977 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hà Ngọc L và bà Trần Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh C (đã ly hôn) và 02 con; nhân thân: Bản án số: 18/2008/HS-ST ngày 23-12-2008 của

Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”; Bản án số: 134/2012/HS-ST ngày 13-11-2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; Bản án số: 07/2016/HS-ST ngày 09-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-3-2020 - Có mặt.

8. Lê Phước Th (tên gọi khác: **Th L**), sinh năm 1978 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Phước T và bà Hồ Thị H (đã chết); nhân thân: Ngày 04-7-2007 bị đưa đi giáo dục tại xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk thời gian 24 tháng; có vợ là Lương Thị Huỳnh N và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 - Có mặt.

9. Đặng Công T (tên gọi khác: **T B**), sinh năm 1992 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn Y, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đặng Công B và bà Nguyễn Thị Việt B; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-3-2020 - Có mặt.

10. Phạm Ngọc S (tên gọi khác: **B vé số**), sinh năm 1954 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn U, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm S và bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); có vợ là Văn Thị P và 04 con; tiền án: Bản án số: 66/2019/HS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*” (chưa được xóa án tích); tại ngoại - Có mặt.

11. Lương Hữu B, sinh năm 1966 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn I, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lương Hữu T (đã chết) và bà Phạm Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Minh T và 03 con; nhân thân: Bản án số: 06/2006/HS-ST ngày 23-6-2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”; Bản án số: 15/2008/HS-ST ngày 23-12-2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-01-2020 đến ngày 10-7-2020, tại ngoại - Có mặt.

12. Lưu Đình L (tên gọi khác: **L cửa sắt**), sinh năm 1984 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông;

trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lưu Đình S và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số: 03/2012/HS-ST ngày 04-01-2012 của bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” (chưa được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-3-2020 đến ngày 10-7-2020, tại ngoại - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25-01-2020 (*tức ngày mừng 01 Tết nguyên đán*), tại phía trước và trong hiên nhà hàng HV ở thôn F, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có nhiều người tụ tập chơi bầu, cua, tôm, cá vui Tết trong đó có Phạm Công C, Lê Văn H, Trần Đăng K, Lê Phước Th, Trịnh Đình Th, Hoàng Minh Tr, Hà Đình T và Hồ Sỹ L.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, mọi người chuyển sang chơi “*xóc đĩa*” ăn tiền. Sau đó C lấy 01 cái kéo trong nhà hàng đưa cho L, L nhặt 01 vỏ bao thuốc lá ở gần đó dùng kéo cắt 04 hình tròn gọi là “*quân vị*”, còn Trung lấy 01 cái chén bằng sứ và 01 cái đĩa bằng nhựa của nhà hàng. Sau đó tất cả ngồi xuống hai chiếc chiếu có sẵn trước đó rồi cùng nhau chơi “*xóc đĩa*” ăn tiền.

Hình thức đánh “*xóc đĩa*” như sau: người làm cái cho 04 quân vị vào trong đĩa, úp chén lên rồi xóc đi, xóc lại nhiều lần. Sau khi người cầm cái xóc đĩa xong, đặt chén và đĩa xuống thì các con bạc bắt đầu đặt cược, sau đó mở chén xem kết quả. Chỉ quy định chơi ăn thua “*chẵn*” và “*lẻ*”: “*chẵn*” là có 02 hoặc 04 “*quân vị*” ngửa lên cùng một màu, “*lẻ*” là có 01 hoặc 03 “*quân vị*” ngửa lên cùng 01 màu. Những người chơi đặt tối thiểu mỗi ván số tiền 100.000 đồng cá cược với người làm cái và tự cá cược với nhau.

Trước khi chơi, C có số tiền 35.000.000 đồng, H có số tiền 1.000.000 đồng, Trần Đăng K có số tiền 5.000.000 đồng, Lê Phước Th có số tiền 1.000.000 đồng, Trịnh Đình T có số tiền 300.000 đồng, Hoàng Minh Tr có số tiền 4.000.000 đồng, Hồ Sỹ L có số tiền 14.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Hà Đình T hô hào những người khác đặt cược, đồng thời T cũng tham gia đặt cược từ 04 đến 05 ván, số tiền đặt cược lớn nhất là 2.000.000 đồng.

Một lúc sau thì có Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lương Hữu B, Phạm Văn C, Phạm Ngọc S, Đặng Công T, Trịnh Đình Tr, Lê Thị P, Lưu Đình L, Nguyễn Ngọc Đ và một số người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến tham gia đánh bạc. Trước khi chơi Tử A có số tiền 3.400.000 đồng, D có số tiền 3.300.000 đồng, B có số tiền 670.000 đồng, Phạm Văn C có số tiền 1.000.000 đồng, S có số tiền 800.000 đồng, Đặng Công T có số tiền 900.000 đồng, Đình Tr

có số tiền 600.000 đồng, L có số tiền 500.000 đồng, P có số tiền 1.400.000 đồng, còn Đ và một số đối tượng khác bỏ trốn nên chưa xác định được số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Trong khi chơi, H mượn của C số tiền 10.000.000 đồng và mượn của Hà Đình T số tiền 15.000.000 đồng, Đ mượn của L số tiền 10.000.000 đồng, Th mượn của Trịnh Đình Tr số tiền 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc. C, Lê Phước Th và Đặng Công T thay nhau làm cái.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an huyện Đăk Glong bắt quả tang Lê Văn H, Trần Đăng K, Phạm Công C, Phạm Mai Tử A, Lê Phước Th, Hồ Sỹ L và Trịnh Đình Th đánh bạc; Trần Đình D, Lương Hữu B, Phạm Ngọc S, Phạm Văn C, Đặng Công T, Hà Đình T, Lưu Đình L, Hoàng Minh Tr, Trịnh Đình Tr, Nguyễn Ngọc Đ, Lê Thị P và một số người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) bỏ chạy, một số thua hết tiền nên đã về trước.

Thấy công an, Phạm Mai Tử A sợ nên gửi cho bà Trần Thị T đang đứng gần đó số tiền 10.200.000 đồng, Hồ Sỹ L lấy số tiền 9.000.000 đồng trong áo khoác vút vào góc nhà hàng.

Đến 17 giờ cùng ngày Lương Hữu B đến Công an huyện Đăk Glong đầu thú và giao nộp số tiền 170.000 đồng. Ngày 26-01-2020, Trần Đình D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt khẩn cấp và giao nộp số tiền 4.300.000 đồng.

Các ngày 04-02-2020, 25-02-2020, 27-3-2020, ngày 31-3-2020 và ngày 23-6-2020 Phạm Văn C, Phạm Ngọc S, Trịnh Đình Tr, Hoàng Minh Tr, Đặng Công T, Lưu Đình L và Lê Thị Ph đến Công an huyện Đăk Glong đầu thú; Hà Đình T sau đó bị bắt theo quyết định truy nã.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đăk Glong đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Lê Văn H, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Hà Đình T, Lê Phước Th, Đặng Công T, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Hồ Sỹ L và Phạm Mai Tử A mỗi bị cáo 03 năm 03 tháng tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Ngọc S và Lưu Đình L mỗi bị cáo 03 năm tù.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Đình T 03 năm tù.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Công C 02 năm tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

5.1. Xử phạt bị cáo Lương Hữu B 02 năm tù.

5.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Tr 01 năm 03 tháng tù.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 năm tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Công T):

7.1. Xử phạt các bị cáo Đặng Công T và Lê Phước Th mỗi bị cáo 02 năm tù.

7.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình D 01 năm 03 tháng tù.

Ngày 01-12-2020, bị cáo Hà Đình Th kháng cáo kêu oan. Các ngày 03 và 04-12-2020, các bị cáo Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lê Phước Th, Đặng Công T, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Phạm Công C kháng cáo xin xem xét lại số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xử phạt các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Lê Văn H, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Hà Đình T, Lê Phước Th, Đặng Công T, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo; đối với bị cáo Hà Đình T thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Đặng Công T thêm nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Hà Đình T, Lê Phước Th, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H và Đặng Công T, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Lê Văn H, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Hà Đình T, Lê Phước Th, Đặng Công T, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã kết án các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Lê Văn H, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Hà Đình T, Lê Phước Th, Đặng Công T, Phạm Ngọc S, Lương Hữu B và Lưu Đình L phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Công C đề nghị xem xét lại số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, xét thấy: Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai và các lời khai ban đầu của bị cáo đều thừa nhận bị cáo sử dụng số tiền 35.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc và phù hợp với các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết gì mới đối với nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hà Đình T thay đổi kháng cáo kêu oan chỉ xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đối với nội dung kháng cáo của các Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lê Phước Th, Phạm Ngọc S, Hà Đình T và Lưu Đình L đề nghị giảm nhẹ hình phạt, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra cũng như nhân thân của các bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[2.3]. Xét kháng cáo của bị cáo Lương Hữu B: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặt khác bị cáo sử dụng số tiền 670.000 đồng để đánh bạc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là có phần nghiêm khắc so với các bị cáo khác trong cùng vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.4]. Đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xử phạt các bị cáo mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo gây ra. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo H cung cấp thêm tình tiết mới có bố đẻ là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm

nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[2.5]. Đối với kháng cáo của bị cáo Đặng Công T, xét thấy: Bị cáo chỉ sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù là có phần nghiêm khắc so với các bị cáo khác trong cùng vụ án. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo sự công bằng trong đánh giá vai trò đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án thì bị cáo T đang bị tạm giam đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 11 tháng 09 ngày tù nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lê Phước Th, Phạm Ngọc S, Hà Đình T, Lương Hữu B và Lưu Đình L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Do kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H và Đặng Công T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lê Phước Th, Phạm Ngọc S, Hà Đình T và Lưu Đình L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1.1.1. Bị cáo Hồ Sỹ L 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-01-2020.

1.1.2. Bị cáo Phạm Mai Tử A 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 26-02-2021.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

1.2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.2.2. Xử phạt bị cáo Lưu Đình L 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-3-2020 đến ngày 10-7-2020.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Đình T 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 15-3-2020.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Công C 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 10-9-2020. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Minh Tr 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

1.6.1. Xử phạt bị cáo Lê Phước Th 02 (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-3-01-2020.

1.6.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn H, Lương Hữu B và một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Công T, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật và hình phạt.

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Hữu B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2020 đến ngày 10-7-2020.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm về tội “Đánh bạc”, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Công T 11 (*Mười một*) tháng 09 (*Chín*) ngày tù về tội “*Đánh bạc*”. Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đặng Công Tú, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Công C, Hồ Sỹ L, Hoàng Minh Tr, Phạm Mai Tử A, Trần Đình D, Lê Phước Th, Hà Đình T, Phạm Ngọc S và Lưu Đình L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Glong;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Bùi Thị Ngọc